

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HKII
MÔN TOÁN 6. NĂM HỌC 2025 - 2026

A. CÁC KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Số học

- Phân số với tử số và mẫu số là số nguyên.
- Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số.
- Phép cộng và phép trừ phân số. Phép nhân và phép chia phân số.
- Giá trị phân số của một số. Hỗn số.
- Số thập phân. Các phép tính với số thập phân. Làm tròn số thập phân và ước lượng kết quả.

2. Hình học trực quan. Tính đối xứng của hình phẳng trong thế giới tự nhiên

- Hình có trục đối xứng. Hình có tâm đối xứng.
- Vai trò của tính đối xứng trong thế giới tự nhiên.

3. Hình học phẳng. Các hình học phẳng cơ bản.

- Điểm. Đường thẳng.
- Ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.
- Hai đường thẳng cắt nhau, song song. Tia.
- Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. Trung điểm của đoạn thẳng.
- Góc. Số đo góc. Các góc đặc biệt.

B. BÀI TẬP

I. Số học

Bài 1.

- Viết các phân số sau dưới dạng hỗn số: $\frac{12}{5}$; $\frac{30}{7}$.
- Viết mỗi số thập phân sau dưới dạng phân số thập phân: 29,1; 14,23; -32,124.
- Tìm số đối của các số thập phân sau: 18,9; -123,37; -0,8; 3,333.
- Viết các phân số sau dưới dạng số thập phân: $\frac{3125}{100}$; $\frac{-178}{10}$; $\frac{-23}{1000}$; $\frac{88}{100}$.
- Sắp xếp các số thập phân sau theo thứ tự tăng dần: -2,33; 0; 4,21; -2,34; 4,25.

Bài 2. Làm tròn các số sau đây: -325,6734; 421,21312; - 467,8261

- đến hàng phần mười; hàng phần trăm; hàng phần nghìn.
- đến hàng đơn vị; hàng chục; hàng trăm.

Bài 3. Làm tròn các số thập phân sau đến chữ số thập phân thứ hai:

- 67,2467
- 50,402
- 0,356
- 40,2341.

Bài 4. So sánh các phân số:

a) $\frac{-11}{5}$ và $\frac{-13}{5}$; b) $\frac{3}{2}$ và $\frac{5}{3}$; c) $\frac{-5}{4}$ và $\frac{11}{-10}$.

Bài 5. Tìm số nguyên x thỏa mãn:

a) $\frac{-3}{7} < \frac{x}{7} < \frac{2}{7}$ b) $\frac{4}{-3} < \frac{x}{-3} < \frac{1}{3}$

Bài 6. Thực hiện từng bước các phép tính:

a) $\frac{-2}{9} + \frac{-3}{9}$ b) $\frac{2}{5} - \frac{-1}{5}$ c) $1\frac{5}{4} : \frac{5}{-2}$ d) $\frac{-5}{6} + \frac{7}{8}$ e) $2\frac{1}{2} \cdot 3\frac{1}{5}$

Bài 7. Tính giá trị các biểu thức một cách hợp lí:

a) $\frac{8}{13} \cdot \frac{-7}{9} + \frac{8}{13} \cdot \frac{-2}{9}$ c) $\frac{-1}{9} + \frac{-4}{7} + \frac{1}{9} + \frac{-3}{7} + 10$ c) $\frac{-5}{14} + \frac{-2}{5} + \frac{9}{-14} + 5 + \frac{-3}{5}$
d) $\left(\frac{5}{-8} + \frac{7}{6}\right) + \frac{5}{8}$ e) $\frac{-5}{21} + \frac{12}{9} + \frac{5}{21}$ f) $\frac{3}{7} \cdot \frac{5}{11} + \frac{3}{7} \cdot \frac{2}{11} - \frac{3}{7} \cdot \frac{14}{11}$
g) $5,2 \cdot (-3,7) + 5,2 \cdot (-6,3)$ h) $14,7 + (-8,4) + (-4,7)$ i) $(-3,4) \cdot 5,4 + (-3,4) \cdot 4,6$
j) $5,42 - (-2,99 - 4,58) + (10 - 2,99)$ k) $(-4,5) + 3,6 + 4,5 + (-3,6) + 2,9$

Bài 8. Một lớp học có nhiều học sinh yêu thích thể thao. Trong ngày hội thể thao của trường, lớp đã có $\frac{1}{2}$ số học sinh đăng kí thi đấu bóng đá, $\frac{2}{3}$ số học sinh đăng kí thi đấu bóng chuyền, $\frac{11}{20}$ số học sinh đăng kí thi đấu kéo co và $\frac{3}{10}$ số học sinh đăng kí thi đấu cầu lông. Hãy cho biết môn thi đấu nào được học sinh đăng kí nhiều nhất và môn thi đấu nào được học sinh đăng kí ít nhất (một học sinh có thể thi đấu nhiều môn).

Bài 9. Một túi kẹo có 35 chiếc. Các viên kẹo trong túi giống nhau nhưng được bọc bằng loại giấy màu khác nhau: đỏ và vàng. Số kẹo bọc giấy màu đỏ chiếm $\frac{3}{5}$ số kẹo trong túi. Diện tích mỗi tờ giấy bọc một cái kẹo cùng bằng 80 cm^2 . Tính diện tích mỗi loại giấy dùng để gói kẹo trong một túi kẹo.

Bài 10. Trong một buổi tự học khoảng 80 phút ở nhà, bạn Bình dành $\frac{1}{5}$ thời gian để xem ngay bài đã học trong ngày và $\frac{2}{5}$ thời gian làm một số bài tập cho bài học trong ngày. Thời gian còn lại, Bình dành để chuẩn bị bài cho ngày học hôm sau. Vậy thời gian chuẩn bị bài học cho ngày hôm sau là bao nhiêu giờ?

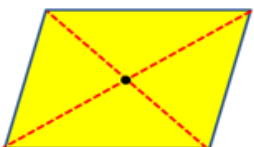
Bài 11. Một người đăng kí mua một căn hộ và trả tiền thành 3 đợt. Đợt đầu tiên, ngay khi kí hợp đồng mua bán, người đó phải trả $\frac{1}{3}$ số tiền mua căn hộ. Sáu tháng sau, người đó trả tiếp $\frac{1}{4}$ số tiền mua căn hộ. Đợt cuối, sau một năm kể từ khi kí hợp đồng, sẽ trả nốt số tiền còn lại là 750 000 000 đồng và nhận căn hộ. Hỏi số tiền để mua căn hộ là bao nhiêu?

Bài 12. Tìm các số nguyên n để: $\frac{2n-1}{n+8} - \frac{n-14}{n+8}$ là số nguyên.

II. Hình học

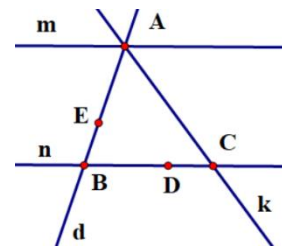
Bài 1. Trong các hình sau đây: Tam giác đều, tam giác cân, hình thang cân, hình bình hành, hình thoi, hình chữ nhật, hình vuông, hình tròn, hình lục giác đều. Hình nào chỉ có trục đối xứng, hình nào chỉ có tâm đối xứng, hình nào vừa có trục đối xứng vừa có tâm đối xứng?

Bài 2. Trong các hình dưới đây hình nào chỉ có trục đối xứng, hình nào chỉ có tâm đối xứng, hình nào vừa có trục vừa có tâm đối xứng?

			
Hình 1	Hình 2	Hình 3	Hình 4
			
Hình 5	Hình 6	Lục giác đều Hình 7	Tam giác đều Hình 8
			
Hình 9	Hình 10	Hình 11	Hình 12

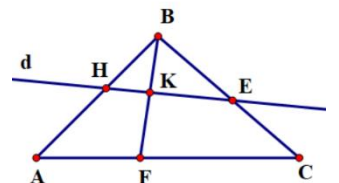
Bài 3. Quan sát hình bên và cho biết:

- Viết tên các bộ ba điểm thẳng hàng.
- Viết tên các tia góc E, góc D.
- Đường thẳng nào song song với đường thẳng n?
- Đường thẳng nào cắt đường thẳng n tại giao điểm A?



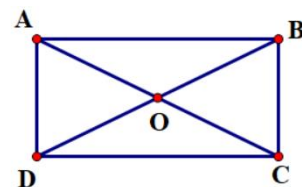
Bài 4. Cho hình vẽ bên quan sát và trả lời câu hỏi:

- Viết tên những bộ ba điểm thẳng hàng, trong mỗi bộ tìm được hãy chỉ ra điểm nằm giữa hai điểm còn lại.
- Viết tất cả các góc đỉnh B.



Bài 5. Cho hình vẽ bên (ABCD là hình chữ nhật).

- Viết tên các đường thẳng song song với nhau.
- Viết tên các góc đỉnh A, đỉnh B.
- Viết tên các đoạn thẳng có trong hình.
- Điểm O là trung điểm của những đoạn thẳng nào?



Bài 6. Vẽ hình theo mô tả sau:

- Vẽ góc xOy khác góc bẹt. Lấy hai điểm M và N là điểm trong của góc xOy .
- Vẽ các tia OM và ON .
- Viết tên tất cả các góc có trong hình.

Bài 7. Cho C là trung điểm của đoạn thẳng AB , O là trung điểm của đoạn thẳng AC .

- Hãy tìm độ dài của AC , CB và AO nếu $AB = 4$ cm.
- Hãy tìm độ dài của AB , AC và AO nếu $CB = 3$ cm.

Bài 8. Cho các góc: $xOy = 110^\circ$; $aMb = 90^\circ$; $mAn = 50^\circ$; $ABC = 180^\circ$. Hãy cho biết góc nào là góc nhọn, góc vuông, góc tù, góc bẹt?

C. ĐỀ THAM KHẢO

MÔN: TOÁN - LỚP 6

Thời gian làm bài: 90 phút

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 ĐIỂM).

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Số đối của phân số $\frac{4}{17}$ là

- A. $\frac{-4}{17}$ B. $\frac{17}{4}$ C. $\frac{-4}{-17}$ D. $\frac{-17}{4}$

Câu 2. Viết phân số $\frac{23}{7}$ dưới dạng hỗn số ta được

- A. $3\frac{2}{7}$ B. $7\frac{3}{2}$ C. $3\frac{7}{2}$ D. $2\frac{3}{7}$

Câu 3. Viết phân số $\frac{293}{10}$ dưới dạng số thập phân ta được:

- A. 2,93 B. 0,293 C. 0,0293 D. 29,3

Câu 4. Trong các hình sau, hình nào không có trục đối xứng?



Hình a



Hình b



Hình c



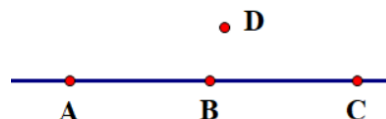
Hình d

- A. Hình a B. Hình b C. Hình c D. Hình d

Câu 5. Hình nào sau đây có tâm đối xứng?

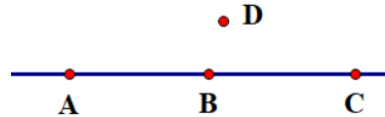
- A. Hình tam giác đều. B. Hình tam giác cân C. Hình thoi D. Hình thang cân

Câu 6. Cho hình vẽ sau. Trong ba điểm thẳng hàng, điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại?



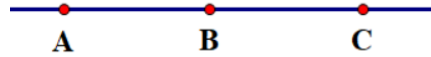
- A. Điểm A B. Điểm B C. Điểm C D. Điểm D

Câu 7. Cho hình vẽ. Ba điểm nào thẳng hàng?



- A. D, C, B B. C, A, D C. A, B, C D. D, A, B

Câu 8. Cho hình vẽ. Tia gốc A là:



- A. BA B. CA C. BC D. AC

Câu 9. Điểm E là trung điểm của đoạn thẳng MN nếu:

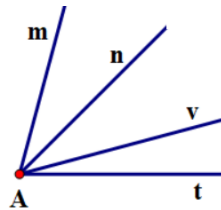
- A. E nằm giữa M và N B. $EM = \frac{MN}{2}$
C. E nằm giữa M, N và $EM = EN$ D. $EM = EN$

Câu 10. Cho $\alpha Ob = 90^\circ$, góc αOb được gọi là:

- A. góc bẹt B. góc tù C. góc vuông D. góc nhọn

Câu 11. Số góc có trên hình vẽ sau là:

- A. 4 B. 5
C. 6 D. 3



Câu 12. Góc ACB được kí hiệu như thế nào?

- A. ABC B. ACB C. BAC D. CAB

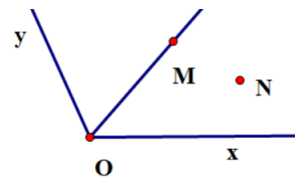
II. TỰ LUẬN (7,0 ĐIỂM).

Câu 13 (2,0 điểm).

- Viết mỗi số thập phân sau dưới dạng phân số thập phân: 0,009; -21,05.
- Tìm số đối của các số thập phân sau: 18,91; - 2,1.
- Làm tròn các số thập phân sau đến chữ số thập phân thứ nhất: 51,235; -82,572.
- Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần: 18,523; -32,14; 20,528; -32,01.

Câu 14 (1,0 điểm). Quan sát hình vẽ và cho biết

- Điểm M và điểm N là điểm trong của những góc nào?
- Viết tên các góc có trong hình.



Câu 15 (1,0 điểm). Trong một ngày mùa đông, nhiệt độ trung bình ở đỉnh Mẫu Sơn (Lạng Sơn) là $\frac{-3}{5}^\circ\text{C}$ còn ở đỉnh Phan – xi – păng (Lào Cai) là $\frac{-15}{8}^\circ\text{C}$. Trong ngày đó, nơi nào lạnh hơn?

Câu 16 (2,5 điểm). Thực hiện từng bước các phép tính (tính hợp lý nếu có thể).

a) $\frac{2}{3} - \frac{-5}{6}$

b) $\frac{-2}{5} \cdot 3\frac{1}{2}$

c) $\frac{1}{5} + \frac{2}{11} + \frac{1}{-5} + \frac{9}{11} + (-4)$

d) $(-4,3) \cdot 3,6 + (-4,3) \cdot 6,4$

Câu 17 (0,5 điểm). So sánh: $\frac{n}{n+3}$ và $\frac{n+1}{n+2}$; ($n \in \mathbb{N}^*$)

----HẾT----

Chúc các em ôn tập tốt!